

Số: 181/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 21 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Kế hoạch phát triển Thể dục thể thao
tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2014 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ VĂN HÓA - THỂ THAO & DU LỊCH
CÔNG VÀ N ĐẾN
Số 181... ngày 21 tháng 01 năm 2014

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ, ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, về việc phê duyệt quy hoạch phát triển ngành thể dục, thể thao tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011 – 2015 và tầm nhìn 2020;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số: 1030/SVHTTDL ngày 26 tháng 12 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển Thể dục thể thao tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2014 - 2020.

Điều 2. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ VH, TT & DL (b/c);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- BCHQS tỉnh, Công an tỉnh, BCH BDBP tỉnh;
- Các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội ở tỉnh;
- PCVP: đ/c Nguyễn Việt Thuật;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Ngọc Lệ

KẾ HOẠCH

Phát triển Thể dục thể thao tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2014 - 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 171 /QĐ-UBND, ngày 21 /01/2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

I. Cơ sở xây dựng kế hoạch

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ, ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020 (Nghị quyết số 16);

Căn cứ Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Tỉnh ủy Đắk Nông, về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 01 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020” (Nghị quyết số 08);

Căn cứ Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, về việc phê duyệt quy hoạch phát triển ngành thể dục, thể thao tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011 – 2015 và tầm nhìn 2020;

II. Thực trạng thể dục thể thao trong thời gian qua

1. Kết quả thực hiện

a) Thể dục thể thao quần chúng

Trong những năm qua được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, phong trào thể dục thể thao quần chúng của tỉnh đã không ngừng phát triển, cụ thể:

- Số người tham gia tập luyện thể dục thể thao (TDTT) thường xuyên ngày một tăng, đến nay đạt 22% dân số, số gia đình thể thao là 11% và đã thành lập được 03 liên đoàn thể thao cấp tỉnh: Quần vợt, Bóng bàn và Cầu lông; 03 bộ môn võ: Karatedo, Taekwondo, Vovinam và hơn 80 câu lạc bộ TDTT. Hàng năm duy trì tổ chức từ 10 -12 giải thể thao cấp tỉnh, hơn 50 giải thể thao, hội thao cấp ngành, trên 70 giải thể thao cấp huyện, thị xã và hơn 200 giải cấp cơ sở.

- 100% trường học đảm bảo chương trình giáo dục thể chất nội khóa theo quy định (gồm các môn: Điền kinh, Thể dục, Đá cầu, Cầu lông...), 85% trường học có hoạt động TDTT ngoại khóa như: Aerobic, Bóng chuyền, Bóng đá, Cờ vua và một số môn thể thao dân tộc.

- Thể thao trong vùng nông thôn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm. Các môn điền kinh, bóng chuyền, cầu lông, bóng đá và các môn thể thao dân tộc: Võ, bắn nỏ, đẩy gậy, kéo co được duy trì, phát triển rộng khắp ở

các xã, phường, thị trấn. Hàng năm tổ chức nhiều hoạt động giao hữu và thi đấu thể thao dân tộc.

- Thể dục thể thao trong quân đội nhân dân: Xây dựng các đơn vị giỏi về huấn luyện thể lực và hoạt động TDTT, chú trọng đẩy mạnh luyện tập thể thao đặc thù; tổ chức tốt các hoạt động Hội thao quốc phòng và thi đấu TDTT quần chúng; tăng cường kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thể lực, hướng dẫn, kiểm tra công tác tổ chức rèn luyện thể thao hàng ngày; vận dụng sáng tạo chủ trương xã hội hóa TDTT trong quân đội.

- Thể dục thể thao trong lực lượng công an nhân dân: Đẩy mạnh công tác rèn luyện thân thể và hoạt động TDTT bắt buộc đối với cán bộ, chiến sĩ công an nam từ 18 - 45 tuổi, nữ từ 18 - 35 tuổi. Tăng cường tập luyện võ thuật, bắn súng quân dụng. Khuyến khích tập luyện các môn: bóng, điền kinh (đi bộ, chạy...), thể dục; phát triển hệ thống các câu lạc bộ TDTT và dịch vụ thể dục, thể thao trong ngành, tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho cán bộ, chiến sĩ tiếp cận với hoạt động TDTT. Xây dựng hệ thống thi đấu thể thao phù hợp với môi trường, điều kiện công tác của ngành công an.

- Kinh phí đầu tư cho hoạt động TDTT được quan tâm. Tuy nhiên mới chỉ đảm bảo một số nội dung như: tổ chức các hoạt động TDTT lớn và xây dựng một phần hệ thống thiết chế Văn hóa thể thao ở cơ sở. Kinh phí thực hiện các hoạt động TDTT quần chúng ở xã, phường, thị trấn, khu dân cư và các cơ quan, đơn vị chủ yếu từ nguồn xã hội hóa nên chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu tập luyện, hưởng thụ thể dục thể thao cho nhân dân.

b) Thể dục thể thao thành tích cao

- Thể thao thành tích cao đã có sự phát triển và bước đi đúng hướng, công tác tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên (VĐV) nhằm xây dựng, kiện toàn các đội tuyển thể thao thành tích cao của tỉnh để tham gia các giải khu vực và toàn quốc; Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao đã duy trì tập luyện thường xuyên 2 môn thể thao mũi nhọn của tỉnh là điền kinh và võ thuật. Ngoài ra còn có các môn bán tập trung khác như: bóng đá thiếu niên nhi đồng, bóng bàn, quần vợt... Đặc biệt, tham gia Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VI, đoàn VĐV của tỉnh đạt 02 huy chương vàng, 02 huy chương bạc, 05 huy chương đồng, đứng thứ 58/66 tỉnh, thành, ngành tham dự.

- Tuy nhiên, trong những năm qua việc đào tạo vận động viên thành tích cao vẫn còn những hạn chế, như:

+ Xây dựng lực lượng VĐV: Việc triển khai tổ chức các lớp năng khiếu ở một số môn chưa thực hiện được do hạn chế về sân bãi tập luyện và đội ngũ huấn luyện viên (HLV).

+ Một số HLV thiếu cập nhật kiến thức mới về lý luận và khoa học huấn luyện, còn nặng về thành tích trước mắt, thiếu tính chiến lược để phát triển bền vững và lâu dài.

+ Chưa thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn cho lực lượng HLV ở địa phương.

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác huấn luyện thể thao thành tích cao còn thiếu và không đảm bảo so với mặt bằng chung của cả nước.

+ Công tác tham mưu của ngành TDTT đối với chính quyền các cấp còn hạn chế, dẫn đến chưa khai thác có hiệu quả nguồn nhân lực, vật lực, tài lực của tỉnh.

+ Việc đầu tư cho phát triển thể thao thành tích cao chưa tương xứng với nguồn lực của thể thao tỉnh nhà hiện nay.

+ Đội ngũ HLV chưa đồng đều về trình độ chuyên môn, thiếu cập nhật kiến thức mới trong lí luận, thực tiễn và khoa học kỹ thuật để áp dụng nâng cao trình độ chuyên môn cho VĐV.

c) Cơ sở vật chất

* Cơ sở vật chất cấp tỉnh hiện nay chỉ có:

- 01 Nhà tập luyện và Thi đấu TDTT.

- 01 Sân vận động tỉnh đang trong quá trình xây dựng

* Cơ sở vật chất cấp huyện

- Có 03 Sân vận động tại trung tâm cấp huyện (Cư Jút, Krông Nô, Đăk R'Lấp).

- Nhà thi đấu đa năng: 01 nhà.

- Sân Bóng đá Mini cỏ nhân tạo: 51 sân.

- Sân Quần vợt: 23 sân.

- Sân Bóng chuyên: 232 sân.

- Sân Cầu lông: 61 sân.

- Bể bơi: 02 bể.

* Công tác xã hội hoá thể dục thể thao

- Toàn tỉnh hiện có 03 Liên đoàn thể thao là: Quần vợt; Bóng bàn, Cầu lông và 03 bộ môn: Karatedo, Taekwondo, Vovinam.

- Ngành Văn hóa, Thể Thao và Du lịch đã thực hiện ký kết liên tịch với Sở Giáo dục và Đào tạo, Công an tỉnh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và một số đơn vị khác về chỉ đạo công tác thể dục, thể thao.

- Tình hình huy động nguồn kinh phí để tổ chức các giải thể thao và tài trợ VĐV thi đấu còn rất hạn chế, duy nhất có những giải mang tầm cỡ quốc gia thì chỉ hỗ trợ một phần kinh phí đối với những môn được ưa thích như: bóng đá, bóng chuyền, quần vợt; Đối với những môn khác ngân sách nhà nước chỉ 100%. Riêng đối với đào tạo VĐV hoàn toàn phụ thuộc vào ngân sách nhà nước.

2. Những ưu điểm và tồn tại

a) Ưu điểm

Trong thời gian qua, phong trào thể dục, thể thao quần chúng trên địa bàn tỉnh phát triển mạnh cả về chiều rộng và chiều sâu, công tác xã hội hoá hoạt động TDTT được thực hiện đạt nhiều kết quả. Các phong trào TDTT quần chúng, phong trào TDTT trong cán bộ công nhân viên chức, trong thanh thiếu niên và thể dục dưỡng sinh người cao tuổi tăng mạnh. Số người tham gia các hoạt động TDTT như: Cầu lông, bóng đá, quần vợt, đi bộ, thể dục dưỡng sinh, Earobic và các môn thể thao truyền thống tăng mạnh, thu hút đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia.

b) Tồn tại

Phong trào TDTT quần chúng và thể thao thành tích cao phát triển chưa đều, thiếu tính bền vững, thiếu quỹ đất dành cho hoạt động Văn hóa - TDTT ở khu dân cư. Việc tổ chức các giải thi đấu, giao hữu TDTT còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Giáo dục thể chất trong trường học gặp khó khăn như: Thiếu sân bãi, phòng tập, dụng cụ phục vụ tập luyện, thi đấu và vui chơi giải trí của học sinh; hoạt động TDTT ngoại khóa còn hạn chế. Đặc biệt, ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thiếu sân chơi, bãi tập và các phương tiện tập luyện TDTT.

c) Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan: Nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước và cộng đồng xã hội cho phát triển TDTT còn thấp; cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị TDTT còn thiếu chưa đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

- Nguyên nhân chủ quan: Công tác quy hoạch sử dụng đất, việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ TDTT thiếu tính hệ thống và chưa phù hợp với quy mô, mức độ phát triển TDTT của tỉnh. Công tác bồi dưỡng, tập huấn cho các cán bộ TDTT và cộng tác viên thể thao ở cơ sở còn hạn chế. Việc huy động nguồn lực từ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư cho phát triển TDTT chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh.

III. Quan điểm, mục tiêu

1. Quan điểm: Thực hiện đúng chủ trương Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020.

- Phát triển TDTT là một yêu cầu khách quan của xã hội, nhằm góp phần nâng cao sức khỏe, thể lực và chất lượng cuộc sống của nhân dân, chất lượng nguồn nhân lực; giáo dục ý chí, đạo đức, xây dựng lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế; đồng thời, là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội và của mỗi người dân. Các cấp ủy đảng có trách nhiệm thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo công tác thể dục, thể thao, bảo đảm cho sự nghiệp thể dục, thể thao ngày càng phát triển.

- Xác định đầu tư cho TDTT là đầu tư cho con người, cho sự phát triển của đất nước. Tăng tỷ lệ chi ngân sách nhà nước, ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất thể dục, thể thao và đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao; đồng

thời phát huy các nguồn lực của xã hội để phát triển thể dục, thể thao, phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức xã hội trong quản lý, điều hành các hoạt động thể dục, thể thao.

- Giữ gìn, tôn vinh những giá trị thể dục, thể thao dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, phát triển nền thể dục, thể thao Việt Nam nói chung và của Đắk Nông nói riêng mang tính dân tộc, khoa học và văn minh.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Xây dựng và phát triển nền TDTT tỉnh nhà nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực và chất lượng cuộc sống của nhân dân, chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tiếp tục mở rộng và đa dạng hoá các hoạt động thể dục thể thao quần chúng, thể dục thể thao thành tích cao đáp ứng nhu cầu giải trí của xã hội, tạo thói quen hoạt động, vận động của nhân dân và bảo tồn, phát triển các môn thể thao dân tộc, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong các hoạt động TDTT. Nâng cao thành tích thể thao của tỉnh nhằm bắt kịp thành tích của các tỉnh trong khu vực và toàn quốc

b) Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu đến năm 2020, đạt một số chỉ tiêu như sau:

+ Thể dục thể thao quần chúng:

- Số người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đến năm 2015 đạt tỷ lệ 23% và đến năm 2020 đạt tỷ lệ 26% dân số.

- Số gia đình luyện tập thể dục thể thao đến năm 2015 đạt tỷ lệ 13% và đến năm 2020 đạt tỷ lệ 18%.

- Hoạt động thể dục thể thao trường học, cơ quan, đơn vị:

Đến năm 2020, số trường trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp thực hiện chương trình thể dục chính khóa đạt tỷ lệ 100% và hoạt động ngoại khóa đạt tỷ lệ 95%; số cán bộ, chiến sỹ trong độ tuổi bắt buộc rèn luyện thể lực đạt trên 90%.

+ Về cơ sở vật chất:

Năm 2014, hoàn thành và đưa Sân vận động tỉnh đi vào hoạt động mặt sân. Đến năm 2020, trang bị đầy đủ cơ sở vật chất thể dục, thể thao hiện đại; xây dựng khán đài A và B để phục vụ cho khán giả; xây dựng nhà ở vận động viên tập trung của tỉnh.

+ Về thể thao thành tích cao:

- Tập trung đầu tư phát triển các môn thể thao mũi nhọn, là những môn thể thao cá nhân mang tính đặc thù của tỉnh đến năm 2020 gồm: điền kinh, quần vợt, whushu, boxing, võ cổ truyền.

- Đến năm 2020 có khoảng 60 vận động viên tập trung tập luyện và thi đấu. Trong đó:

** Giai đoạn 2014 - 2016:*

- Hàng năm thi đấu giải khu vực, quốc gia giành 30 - 40 huy chương các loại, trong đó có 03 - 05 HCV; 10 - 15 HCB và 20 - 25 HCD trong đó có 03 - 05 VĐV cấp I, 02 - 03 VĐV đạt Kien tương; có 01 VĐV được triệu tập vào các đội dự tuyển Quốc gia.

- Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VII (năm 2014) phần đấu đạt từ 03 - 04 huy chương các loại, vị trí xếp thứ hạng của thể thao Đắk Nông trong top từ 57-63/66 tỉnh, thành, ngành trong toàn quốc về tổng sắp huy chương.

+ Giai đoạn 2017 - 2020:

- Hàng năm thi đấu giải khu vực và quốc gia giành 50 - 60 huy chương các loại, trong đó có 08 - 10 HCV; 15 - 20 HCB và 25 - 30 HCD trong đó có 05 - 10 VĐV cấp I, 03 - 05 VĐV Kien tương; 02 - 03 VĐV được triệu tập vào đội dự tuyển quốc gia.

- Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VIII (năm 2018) vị trí xếp thứ hạng của thể thao Đắk Nông trong top từ 57-60/66 tỉnh, thành, ngành trong toàn quốc về tổng sắp huy chương.

+ Về công tác xã hội hóa thể dục, thể thao: xây dựng mới 20 sân bóng đá mini cỏ nhân tạo, 15 sân tennis, 64 sân bóng chuyền và các sân thể thao khác. Tài trợ tổ chức giải thể thao chiếm 20% tổng kinh phí tổ chức giải của tỉnh.

IV. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục quán triệt sâu sắc, tổ chức thực hiện đầy đủ 03 quan điểm của Đảng về công tác thể dục thể thao, các mục tiêu và 06 nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 08 và Nghị quyết số 16, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trên cơ sở đó có chủ trương phù hợp để lãnh đạo, chỉ đạo ở từng ngành, địa phương, cơ sở. Quan tâm chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến sâu sắc của các cấp, các ngành và toàn xã hội đối với công tác thể dục, thể thao.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền cần đặc biệt quan tâm chăm lo xây dựng tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực để lãnh đạo, quản lý công tác thể dục thể thao. Chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch phát triển ngành thể dục thể thao tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn 2020; quy hoạch đất và huy động nguồn lực để xây dựng các cơ sở tập luyện thể dục thể thao, các khu vui chơi, giải trí ở xã, phường, thị trấn gắn liền với trường học, hỗ trợ phát triển thể dục, thể thao ở các địa phương khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số và gắn với chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường học.

- Đảm bảo đúng mức thể dục, thể thao trường học, với vị trí là bộ phận quan trọng của phong trào TDTT, là một mặt của giáo dục toàn diện nhân cách học sinh, sinh viên.

- Xây dựng kế hoạch liên ngành về phát triển giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học. Tăng cường chất lượng dạy và học thể dục chính khóa và phát triển hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa. Gắn giáo dục thể chất với giáo dục ý chí, đạo đức, giáo dục quốc phòng, giáo dục sức khỏe và kỹ năng sống của học sinh, sinh viên. Phát hiện, đào tạo năng khiếu và tài năng thể thao thông qua việc xây dựng và phát triển các câu lạc bộ thể thao trong nhà trường. Triển khai thực hiện quy hoạch các cơ sở giáo dục đào tạo có cơ sở vật chất đáp ứng hoạt động thể dục, thể thao trường học theo quy chuẩn quốc gia.

- Ban hành chính sách đãi ngộ hợp lý và phát huy năng lực đội ngũ giáo viên thể dục trong các trường học, mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên thể dục cho trường học.

3. Phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động thể dục, thể thao quần chúng.

- Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, vận động và thu hút đông đảo nhân dân tham gia tập luyện, gắn việc chỉ đạo phát triển phong trào thể dục thể thao với cuộc vận động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng khu đô thị văn minh.

- Xây dựng mạng lưới hướng dẫn viên, vận động viên làm nòng cốt phong trào. Từng bước hình thành khu trung tâm thể dục, thể thao các huyện, thị xã và các xã, phường, thị trấn gắn với trường học, các tụ điểm vui chơi của thanh, thiếu niên và các thiết chế văn hóa, thể thao tại cơ sở. Trên cơ sở đó phát hiện, bồi dưỡng các tài năng thể thao của tỉnh nhà.

- Tạo cơ hội cho mọi người dân được tham gia các hoạt động thể dục thể thao, đặc biệt quan tâm đến người cao tuổi, người khuyết tật và người lao động tại các khu công nghiệp. Phát triển các câu lạc bộ thể thao người cao tuổi, người khuyết tật ở các địa phương trong tỉnh; quan tâm quy hoạch, xây dựng các trung tâm luyện tập, trang bị cơ sở vật chất, dụng cụ tập luyện cho các môn thể thao đặc thù dành cho người cao tuổi, người khuyết tật.

- Bảo tồn, phát triển các môn thể thao dân tộc và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc trong các hoạt động thể dục thể thao. Sưu tầm, thống kê, phân loại các trò chơi dân gian trong lễ hội truyền thống của các địa phương trong tỉnh, lựa chọn một số trò chơi dân gian để đưa vào hệ thống thi đấu của tỉnh.

- Chú trọng phát triển thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang. Tăng cường phối hợp trong công tác kiểm tra chiến sỹ khỏe, tổ chức đại hội thể dục thể thao, hội thao, các giải thi đấu thể thao trong ngành Quân đội, Công an.

Củng cố hoạt động TDTT trong cán bộ, chiến sỹ nhằm thúc đẩy phong trào thể dục, thể thao trong nhân dân, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

- Mở rộng các hoạt động TDTT trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, nhất là đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao cho người lao động ở các khu đông dân cư và khu công nghiệp.

- Tiếp tục hỗ trợ đầu tư và ban hành các chính sách khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho phát triển thể dục, thể thao quần chúng. Rà soát và quy hoạch quỹ đất dành cho thể dục, thể thao, tăng cường đầu tư xây dựng các sân chơi, bãi tập, công trình thể thao theo quy hoạch phát triển ngành thể dục thể thao tỉnh Đắk Nông đến năm 2020.

4. Nâng cao hiệu quả đào tạo tài năng thể thao.

- Đổi mới cơ chế tổ chức và nội dung tuyển chọn, đào tạo tài năng thể thao thành tích cao theo định hướng chuyên nghiệp. Tăng cường nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao cho công tác đào tạo tài năng thể thao thành tích cao. Trong thời gian tới, tập trung đầu tư phát triển các môn thể thao thế mạnh của tỉnh.

- Đầu tư xây dựng các trung tâm huấn luyện nghiệp vụ, năng khiếu thể dục, thể thao và văn hóa ở cấp huyện, thị xã. Mở rộng các lớp năng khiếu thể thao của tỉnh, phát triển mạng lưới hoạt động thể thao thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên, phát triển, bồi dưỡng các tài năng thể thao. Khuyến khích phát triển câu lạc bộ về các môn thể thao hoạt động theo phương thức tự quản, có sự hỗ trợ của Nhà nước để tham gia thi đấu và cung cấp vận động viên cho tỉnh.

- Xây dựng lực lượng tham gia thi đấu tại các giải thể thao khu vực và toàn quốc, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất thể thao hiện đại đáp ứng việc tổ chức đăng cai các giải thi đấu thể thao cấp Quốc gia, nhằm quảng bá tiềm năng, con người tinh Đắk Nông trên con đường phát triển.

- Xây dựng và thực hiện quy hoạch tổ chức bộ máy, nhân sự và các môn thể thao trọng điểm đến năm 2020. Xây dựng Đề án đào tạo vận động viên và tham gia thi đấu tại Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ VII năm 2014 và lần thứ VIII năm 2018. Tiếp tục nâng cao thành tích thi đấu của thể thao thành tích cao.

5. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, ứng dụng khoa học và công nghệ trong quản lý, huấn luyện, đào tạo vận động viên.

- Hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước ngành văn hóa, thể thao và du lịch từ tỉnh đến cơ sở. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thể dục, thể thao từ cấp tỉnh đến cơ sở, đặc biệt là năng lực triển khai thực hiện các chính sách, kế hoạch thể dục, thể thao.

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, đào tạo bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực cho lĩnh vực hoạt động thể dục thể thao nhằm thu hút nhân tài. Trước mắt cần tập trung xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, huấn luyện viên, vận động viên có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao. Chú trọng công tác giáo dục chính trị tư

tương, đạo đức, ý chí tinh thần dân tộc, lòng dũng cảm, trí sáng tạo, tính trung thực cho vận động viên và cán bộ thể dục thể thao.

- Rà soát, quy hoạch đội ngũ cán bộ, chủ động phối hợp với các trường đại học, trung tâm TDTT huấn luyện mở các lớp bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, HLV, VĐV; tuyển chọn, cử cán bộ, HLV, VĐV tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do Tổng cục thể dục thể thao, các hiệp hội, liên đoàn thể dục thể thao tổ chức.

- Đẩy mạnh công tác ứng dụng khoa học – công nghệ và xây dựng cơ sở vật chất để đảm bảo cho sự phát triển thể dục thể thao của tỉnh bền vững, nhanh chóng rút ngắn khoảng cách với các tỉnh trong khu vực và cả nước, tạo bước đột phá, nâng cao thành tích thể thao.

6. Đẩy mạnh xã hội hóa thể dục thể thao và mở rộng hợp tác trong nước.

- Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa thể dục thể thao. Đổi mới cơ bản các hình thức và biện pháp quản lý nhà nước về thể dục, thể thao, tăng cường tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp thể dục, thể thao. Khuyến khích các tổ chức xã hội, các cơ sở thể thao ngoài công lập tổ chức các hoạt động TDTT, tạo cơ sở phát triển kinh tế thể thao.

- Mở rộng giao lưu hợp tác với các tỉnh, thành trong cả nước để phát triển sự nghiệp TDTT, nhất là về công tác huấn luyện, đào tạo vận động viên.

V. Kinh phí thực hiện

- Tổng kinh phí: 172.710.000.000 đồng.

Trong đó:

+ Kinh phí ngân sách nhà nước: 109.810.000.000 đồng (chiếm 63,6%).

+ Kinh phí xã hội hoá: 62.900.000.000 đồng (chiếm 36,4%).

- Nguồn ngân sách cấp tỉnh (phụ lục 1 và phụ lục 2 kèm theo): hàng năm căn cứ vào khả năng ngân sách sẽ ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này, đảm bảo đạt hiệu quả.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chịu trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công bố các dự án đầu tư vào lĩnh vực thể dục thể thao cần kêu gọi thực hiện xã hội hoá.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chỉ đạo, hướng dẫn các Phòng Văn hóa - Thông tin thuộc thẩm quyền quản lý hành chính và chuyên môn nghiệp vụ, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác TDTT tại địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ..., để xây dựng và thực hiện các chính sách

liên quan đến việc thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch theo hướng dẫn của Bộ, ngành, Trung ương.

- Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Người cao tuổi tỉnh,...) để chỉ đạo, tổ chức và triển khai các hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn toàn tỉnh.

- Trên cơ sở nội dung được phê duyệt, căn cứ các quy định hiện hành, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính cân đối kinh phí từ ngân sách nhà nước (tỉnh và Trung ương) để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ của Kế hoạch.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã rà soát, bổ sung và hoàn thiện các quy định về quy hoạch đất đai dành cho thể dục thể thao và thiết lập các chế tài để thực hiện các quy định này.

3. Sở Tài chính

- Bố trí kinh phí và hướng dẫn thực hiện kế hoạch theo quy định của Bộ Tài chính và các ngành có liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh và các ngành có liên quan bổ sung, hoàn thiện và hướng dẫn thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển theo hướng xã hội hóa các loại hình thể dục thể thao công lập, ngoài công lập.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn, thẩm định hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng công trình thể dục thể thao theo quy định và các vấn đề khác có liên quan.

5. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, xây dựng văn bản hướng dẫn thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện; Nhà văn hóa - thể dục thể thao, Nhà sinh hoạt cộng đồng ở cấp xã; các chế độ chính sách đối với cán bộ tham gia công tác thể dục thể thao ở xã, phường, thị trấn và thôn, buôn, bon, tổ dân phố trên địa bàn toàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

6. Sở Xây dựng

Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, xây dựng văn bản hướng dẫn cụ thể quy trình, quy phạm và mẫu thiết kế các công trình thể dục thể thao các cấp (cấp huyện, thị; cấp xã, phường, thị trấn; thôn, buôn, bon, tổ dân phố).

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện chương trình giáo dục thể chất trong trường học các cấp đảm bảo tiêu chí, chất lượng đề ra.

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong công tác tuyển chọn, đào tạo vận động viên năng khiếu thể dục thể thao trong học sinh.

8. Các cơ quan, đơn vị phối hợp (Công an tỉnh, BCH Quân sự tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Người Cao tuổi tỉnh,...)

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hàng năm xây dựng, ký kết và triển khai kế hoạch phối hợp đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao, vận động đông đảo quần chúng nhân dân trên địa bàn tham gia tập luyện và thi đấu thể dục thể thao, nâng cao sức khỏe.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã

- Chỉ đạo Phòng Văn hoá – Thông tin, các ban ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch phát triển thể dục thể thao đến năm 2020 và kế hoạch hàng năm của địa phương để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của địa phương mình quản lý.

- Bố trí đủ cán bộ chuyên trách thể dục thể thao cấp huyện, cấp xã gắn với từng loại hình thể dục thể thao đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- Trong quá trình thực hiện cần chú ý chọn điểm để xây dựng mô hình gắn với chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, đồng thời bố trí nguồn kinh phí của địa phương để duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động thể dục thể thao tại các xã, phường, thị trấn.

- Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả hoạt động về Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Trên đây là Kế hoạch phát triển Thể dục thể thao tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2014 – 2020; yêu cầu các Sở, Ban, ngành, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Ngọc Lê

Bảng phân bổ kinh phí triển khai Kế hoạch phát triển Thể dục thể thao tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2014 - 2020



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Tổng kinh phí	CHIA THEO GIAI ĐOẠN							
			Năm 2014 - 2015		Năm 2016- 2017		Năm 2018 - 2020			
			Phân theo nguồn Ngân sách nhà nước	Huy động xã hội hoá	Phân theo nguồn Ngân sách nhà nước	Huy động xã hội hoá	Phân theo nguồn Ngân sách nhà nước	Huy động xã hội hoá		
1	2	3	4	5	6	7	8	9		
I. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CẤP TỈNH										
1	Sân vận động (Xây dựng khán đài A)	40.000		20.000		20.000				
2	Nhà ở vận động viên	15.000			7.000				8.000	
II. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CÁC HUYỆN, THỊ XÃ										
1	Sân vận động các huyện, thị xã (2 sân)	18.000							18.000	
2	Khu thể thao huyện, thị xã	15.000		5.000				5.000		5.000
III. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CẤP CƠ SỞ										
1	CLB bóng bàn, bilard (80 CLB)	24.000		6.000		8.000				10.000
2	Sân bóng chuyền (64 Sân)	6.400				3.200				3.200
3	Sân bóng đá mini cỏ nhân tạo (20 sân)	10.000		3.000		3.000				4.000
4	Sân Tennis (15 sân)	7.500		2.500		2.500				2.500
IV. KINH PHÍ ĐÀO TẠO VĐV THỂ THAO										
1	Đào tạo vận động viên cấp tỉnh	36.810		8.180		10.225				18.405
V. TỔNG KINH PHÍ						172.710				

Trong đó:

- 1. Cấp tỉnh: Ngân sách nhà nước 91,810**
 - Dầu tu cơ sở vật chất: 55,000
 - Đào tạo VĐV thể thao: 36,810
 - Huy động xã hội hoá: 0
- 2. Cấp huyện: Tổng kinh phí 33,000**
 - Ngân sách nhà nước: 18,000
 - Huy động xã hội hoá: 15,000
- 3. Cấp xã: Tổng kinh phí 47,900**
 - Ngân sách nhà nước: 0
 - Huy động xã hội hoá: 47,900

KINH PHÍ
ĐÀO TẠO VẬN ĐỘNG VIÊN TỈNH ĐẮK NÔNG
GIẢI ĐOẠN 2014 – 2020

I. Kinh phí đào tạo 1 vận động viên trong 1 năm

1. Tập luyện duy trì 332 ngày bao gồm:

- Tiền ăn 365 ngày x 150.000đ	=	54.750.000đ
- Tiền công 365 ngày x 80.000đ	=	29.200.000đ
- Dụng cụ chuyên môn (trang phục tập luyện)	=	3.000.000đ
- Thuốc bổ tăng lực: 11 tháng x 300.000đ	=	3.300.000đ
- Bảo hiểm:	=	200.000đ
* Cộng	=	90.450.000đ

2. Thi đấu 20 ngày bao gồm:

- Tiền ăn 20 ngày x 200.000đ	=	4.000.000đ
- Tiền công 20 ngày x 80.000đ	=	1.600.000đ
- Kinh phí thuê phòng 20 đêm x 250.000đ	=	5.000.000đ
- Kinh phí di chuyển	=	1.000.000đ
- Chi phí khác (lệ phí thi đấu, bảo hiểm...)	=	200.000đ
* Cộng	=	11.800.000đ

Tổng cộng 1 + 2: 90.450.000đ + 11.800.000đ = 102.250.000đ

(Chín mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi triệu đồng)

II. Kinh phí đào tạo vận động viên theo giai đoạn

1. Kinh phí đào tạo 40 vận động viên giai đoạn: 2014-2015

$$40 \text{ vận động viên} \times 102.250.000\text{đ} \times 2 \text{ năm} = 8.180.000.000\text{đ}$$

2. Kinh phí đào tạo 50 vận động viên giai đoạn: 2016-2017

$$50 \text{ vận động viên} \times 102.250.000\text{đ} \times 2 \text{ năm} = 10.225.000.000\text{đ}$$

3. Kinh phí đào tạo 60 vận động viên giai đoạn: 2018-2020

$$60 \text{ vận động viên} \times 102.250.000\text{đ} \times 3 \text{ năm} = 18.405.000.000\text{đ}$$

III. Kinh phí đào tạo cho cả giai đoạn 2014 –2020

$$8.180.000.000\text{đ} + 10.225.000.000\text{đ} + 18.405.000.000\text{đ} = 36.810.000.000\text{đ}$$

(Ba mươi sáu tỷ tám trăm mười triệu đồng chẵn)